

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 12
Năm học: 2024-2025

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức									Tổng % điểm
			Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			
			TNKQ			TNKQ			TNKQ			
			Dạng I	Dạng II	Dạng III	Dạng I	Dạng II	Dạng III	Dạng I	Dạng II	Dạng III	
1	Dân số	– Đặc điểm	2	1*	1	1	1*					
		– Thế mạnh và hạn chế về dân số				1	1*					
		– Chiến lược phát triển dân số							1*			
2	Lao động và việc làm	– Đặc điểm nguồn lao động		1*		1						
		– Sử dụng lao động					1*	1			1	
		– Vấn đề việc làm và hướng giải quyết					1*			1*		
4	Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	–Nông nghiệp	2	1*	1	1	2*	1		1*		
		–Lâm nghiệp	1									
		– Ngành thủy sản	2	1*		1	2*			1*		
5	Vấn đề phát triển công nghiệp	– Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp		1*			2*			1*		
		– Một số ngành công nghiệp	5			1					1	
Tổng hợp chung		Số câu/Lệnh hỏi	12	4	2	6	8	2		4		
		Điểm	3.0	1,0	0.5	1,5	2,0	0.5		1.0	0,5	100
			45, %			40%			15%			

Lưu ý: TNKQ: + Dạng I (18 câu – 4,5đ): Số 1 là 1 câu, 2 là 2 câu,...
+ Dạng II (4 câu - 4đ): 2* là 2 ý trong 1 câu.
+ Dạng III (6 câu – 1,5đ): 1 là 1 câu. **Chủ đề nông nghiệp câu đúng sai hoặc nông nghiệp hoặc thủy sản.**

thứ tự công thức tính mật độ dân số , tỉ trọng, tốc độ tăng trưởng, bình quân , năng xuất, bình quân thu nhập để bgh cắt kg bị trùng

BẢNG NĂNG LỰC VÀ MỨC ĐỘ TƯ DUY

	TRẮC NGHIỆM								
	Dạng thức 1 18Câu (4,5 điểm)			Dạng thức 2 4 Câu (4 điểm)			Dạng thức 3 6 Câu (1,5 điểm)		
Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Số lệnh hỏi	12	6	0	4	8	4	2	2	2
Điểm	3,0	1,5	0	4,0			0,5	0,5	0,5
Tổng điểm	4,5			4			1.5		
Tỉ lệ	100%								

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I- KHỐI 12

MÔN: ĐỊA LÍ - Năm học: 2024-2025

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Dân số	– Đặc điểm – Thế mạnh và hạn chế về dân số – Chiến lược phát triển dân số	Nhận biết: Trình bày được đặc điểm dân số nước ta. Thông hiểu: Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về dân số. Vận dụng:- Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam. – Vẽ được biểu đồ về dân số. – Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số. Vận dụng cao - Liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương. – Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta.	TNDT1:2 TNDT2:1* TNDT3:1	TNDT1:2 TNDT2:1*	TNDT2:1* TNDT3:1
2	Lao động và việc làm	– Đặc điểm nguồn lao động – Sử dụng lao động – Vấn đề việc làm và hướng giải quyết	Nhận biết: Trình bày được đặc điểm nguồn lao động. Thông hiểu - Phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta. – Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta. Vận dụng – Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta. – Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm. Vận dụng cao: Liên hệ được thực tế địa phương về vấn đề lao động, việc làm.	TNDT2:1*	TNDT1:1 TNDT2:2* TNDT3:1	TNDT2:1* TNDT3:1

4	Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	– Khái quát – Nông nghiệp – Lâm nghiệp – Ngành thủy sản – Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	Nhận biết – Trình bày được tình hình phát triển và phân bố lâm nghiệp. – Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và sự phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi). – Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản. Thông hiểu – Trình bày được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới. – Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nền nông nghiệp ở nước ta. – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp. – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển ngành thủy sản. – Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam: trang trại, vùng chuyên canh, vùng nông nghiệp. Vận dụng: Nêu được xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta. – Trình bày được vấn đề quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.	TNDT1: 5 TNDT2: 1* TNDT3:1	TNDT1:2 TNDT2: 1* TNDT3:1	TNDT2:1*
5	Vấn đề phát triển công nghiệp	– Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp – Một số ngành công nghiệp – Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	Nhận biết – Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. – Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giấy dếp. Thông hiểu – Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm công nghiệp. Vận dụng – Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp. - Giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. Vận dụng cao - Giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.	TNDT1 :5 TNDT2: 1*	TNDT1:1 TNDT2: 2*	TNDT2 : 1*

Số câu/ loại câu		12 câu TNKQ 4 lệnh TN trả đúng sai 3câu TN trả lời ngắn	6 câu TNKQ 8 lệnh TN trả đúng sai 2 câu TN trả lời ngắn.	4 lệnh TN trả đúng sai 2 câu TN trả lời ngắn.
Tổng hợp chung		47,5%	32,5%	20%

- Với câu hỏi mức độ nhận biết thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ mô tả cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
- Các câu hỏi ở mức độ nhận biết nên kiểm tra bằng dạng câu hỏi TNKQ; các mức độ khác kiểm tra bằng dạng câu hỏi tự luận.
- Với nhiều nội dung ở cùng 01 mức độ nhận thức, lựa chọn nội dung kiểm tra bằng cách chọn dấu * nghĩa chọn cho trường hợp (hoặc).
- Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết

TTCM

Huỳnh Thị Hồng Nhung